TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07-6-2019
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Rạt

Ông Nguyễn Thanh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 253/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 367/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Trường K**, sinh năm 1982; (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện N, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà **Trương Thị Thanh T**, sinh năm 1985; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện N, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/3/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Trường K trình bày: Ông và bà Trương Thị Thanh T có tìm hiểu nhau, sau đó ông bà tiến tới hôn nhân vào năm 2001, nhưng cho đến nay ông và bà T không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, thời gian đầu, vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên, về sau vợ chồng luôn phát sinh những bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cải vả, làm cho cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Ông và bà T ly thân đã được 01 năm, mạnh ai nấy sống, ít quan tâm qua lại lẫn nhau. Nay ông K xác định tình cảm vợ

chồng đã rạn nứt, không còn khả năng hàn gắn, nên ông K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trương Thị Thanh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông và bà T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng X, sinh ngày 29/3/2003, giới tính: N và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 28/11/2009, giới tính: N. Hiện tại, các con chung đang do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, nếu các con chung có nguyện vọng sống với bà T thì ông đồng ý. Ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản: Ông xác định ông và bà T tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: ông xác định giữa ông và bà T không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 7/5/2019, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Trương Thị Thanh T trình bày: Bà T thống nhất lời trình bày của ông K về thời gian chung sống, việc không đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng khi sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là tính tình không hợp, bất đồng ý kiến hay cãi vả. Cuộc sống vợ chồng luôn ngột ngạt, không còn khả năng hàn gắn. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Nay ông K yêu cầu ly hôn với bà thì bà cũng đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Bà xác định giữa bà và ông K có 02 con chung như ông K trình bày. Hiện tại, bà đang nuôi dưỡng trực tiếp 02 con chung. Khi ly hôn, bà yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà xác định bà và ông K tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định giữa bà và ông K không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật và tiến hành hòa giải nội dung tranh chấp, nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là bà Trương Thị Thanh T có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Nguyên đơn là ông K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Trường K khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà Trương Thị Thanh T. Bà T đang cư trú tại xã H, huyện N, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là bà Trương Thị Thanh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trường K:

[3.1] Về hôn nhân: Ông K và bà T có sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2001, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Ông K và bà T sống với nhau hơn 18 năm. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cải vả, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau nhưng các đương sự đã thống nhất trình bày. Đến nay, ông K và bà T ly thân đã được hơn 01 năm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông K và bà T không còn, nên ông K yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An giải quyết cho ông K được ly hôn với bà T và bà T cũng đồng ý.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.2.1] Căn cứ khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn theo đó vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Vì vậy, ông K làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định nêu trên. Cũng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng".

[3.2.2] Căn cứ khoản 7 Điều 3 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nam, nữ sống chung như vợ chồng là việc: "nam, nữ tổ chức cuộc sống chung và coi nhau như vợ chồng". Theo khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng quy định ông K và bà T có đủ điều kiện kết hôn nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[4] Từ những phân tích tại [3.1], [3.2], [3.2.1], [3.2.2], Hội đồng xét xử xác định yêu cầu ly hôn của ông K với bà T thuộc trường hợp quy định nêu trên, nên ông K làm đơn yêu cầu ly hôn với bà T thì Tòa án áp dụng quy định của pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông K và bà T. Vì vậy, yêu cầu của ông K là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Khi Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng thì Tòa án áp dụng quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về con chung, tài sản chung nếu các bên có yêu cầu.

[5.1] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, ông K và bà T đều xác định có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Hồng X, sinh ngày 29/3/2003 và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 28/11/2009. Từ khi ông K và bà T ly thân cho đến nay thì 02 con chung do bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Cháu X và cháu M cũng có bản tự khai có nguyện vọng sống chung với bà T. Bà T có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung và ông K cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy trên cơ sở ý kiến của các bên đương sự, ý kiến nguyện

vọng của các con chung, vì lợi ích của con, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, trong học tập, nên cần giao cháu X và cháu M cho bà T được quyền tiếp tục chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

[5.2] Về chia tài sản: Ông Nguyễn Trường K và bà Trương Thị Thanh T đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5.3] Về nợ chung: Ông Nguyễn Trường K và bà Trương Thị Thanh T đều xác định không có nợ ai, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Buộc ông Nguyễn Trường K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 3, khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trường K về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" đối với bà Trương Thị Thanh T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Trường K và bà Trương Thị Thanh T

2. Về nuôi con chung: Bà Trương Thị Thanh T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên là Nguyễn Thị Hồng X, sinh ngày 29/3/200, giới tính: N và Nguyễn Thị Trà M, sinh ngày 28/11/2009, giới tính: N. Ông Nguyễn Trường K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở

bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Trường K phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông K đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004278 ngày 19/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Ông Nguyễn Trường K đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai, các nguyên đơn là ông Nguyễn Trường K có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là bà Trương Thị Thanh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã H, huyện N, tỉnh Long An *(để biết)*;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Tiền Phương